

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 32/2022/KDTM-GĐT

Ngày: 29/11/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 09 thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia xét xử, do ông Trần Văn Châu – Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên.

Ngày 29/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng N1;

Địa chỉ: Tháp N1, 35 K1, quận K2, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Ông Võ Trường T1, sinh năm 1958;

Địa chỉ đăng ký thường trú: 286A K3, Phường K4, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố 01, phường K6, thành phố K7, tỉnh Đắk Nông.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Công ty cổ phần N2.

Địa chỉ: Đường 23/3, phường K6, thành phố K7, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tuấn H1 – Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng N1 trình bày:

Ngày 13/02/2015, ông Võ Trường T1 ký 02 hợp đồng tín dụng để vay tiền tại Ngân hàng N1, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 01/635/2015/0001513 vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích mua sắm phương tiện đi lại và tiêu dùng, thời hạn 05 năm. Nợ gốc trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 50.000.000 đồng, nợ lãi trả cùng nợ gốc.

Hợp đồng tín dụng số 01/635/2015/0001515 vay số tiền 7.000.000.000 đồng, mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thời hạn 20 năm. Nợ gốc trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng với số tiền: Từ kỳ đầu tiên đến kỳ 60 trả 10.000.000 đồng/tháng; từ kỳ 61 đến kỳ 239 trả 55.000.000 đồng/tháng; kỳ cuối cùng trả 135.000.000 đồng; nợ lãi trả cùng nợ gốc.

Để đảm bảo khoản vay, ông T1 ký Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6812252/HĐTC ngày 11/02/2015 để thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 814, tờ bản đồ số 8, diện tích 408m² tọa lạc tại Tổ 1 phường K6, thành phố K7 và tài sản trên đất là công trình cửa hàng kinh doanh xe máy, xây dựng cấp 3, diện tích xây dựng 254m², diện tích sàn 508m².

Việc trả nợ: Ông Võ Trường T1 đã trả được một khoản tiền gốc là 1.620.000.000 đồng và tiền lãi 2.152.496.108 đồng. Nên tính đến ngày 16/10/2017 ông T1 còn nợ 8.380.000.000 đồng tiền gốc và 451.305.557 đồng tiền lãi, tổng cộng 8.831.305.557 đồng.

Nay N1 khởi kiện yêu cầu ông T1 trả đủ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/11/2020, tổng cộng 11.458.599.824 đồng. Trường hợp ông T1 không trả hết nợ thì N1 có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Võ Trường T1 không tham gia tố tụng, không có ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần N2 trình bày:

Ngày 15/12/2014, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N2 quyết định mua nhà ô tô Tấn Phát (Tòa nhà Trường Thành) tại đường 23/3 Tổ 1 phường K6 để làm văn phòng công ty với giá 16.000.000.000 đồng, chi từ vốn góp của cổ đông 6.000.000.000 đồng, còn lại 10.000.000.000 đồng giao cho ông Võ Trường T1 đại diện công ty đàm phán với N1 để làm thủ tục vay. Ông T1 tạm thời đứng tên thửa đất và hàng tháng Công ty chuyển khoản trả dần lãi và gốc tối đa 200.000.000 đồng, sau khi trả đủ 10.000.000.000 đồng thì ông T1 có trách nhiệm sang tên giấy chứng nhận cho Công ty.

Ông T1 đã thực hiện vay tiền và Công ty chuyển khoản cho ông T1 trả gốc và lãi như N1 trình bày. Đến tháng 7/2014, ông T1 vi phạm pháp luật, bỏ đi khỏi địa phương và không liên hệ được nên Công ty liên hệ với N1 để làm thủ tục nhận nợ và sang tên giấy chứng nhận nhưng N1 không đồng ý. Nhận thấy việc tiếp tục thanh toán cho N1 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty nên Công ty dừng việc thanh toán. Nay Công ty khẳng định tài sản thế chấp là của Công ty và ông T1 chỉ đứng tên tạm thời. Công ty cổ phần N2 đồng ý thanh toán nợ cho

N1 và N1 giải chấp tài sản cho Công ty.

Tại phiên tòa, N1 đồng ý, hợp tác chuyển đổi quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp từ tên ông T1 sang Công ty, nếu Tòa án phán quyết Công ty cổ phần N2 thanh toán đối với 02 hợp đồng tín dụng mà ông T1 đã ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 09/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố K7, tỉnh Đắk Nông quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần N2.

Buộc Công ty cổ phần N2 phải trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền 12.358.226.560 đồng, trong đó 8.380.000.000 đồng tiền gốc và 3.978.226.560 đồng tiền lãi.

Trường hợp Công ty cổ phần N2 thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/635/2015/0001515 và Hợp đồng tín dụng số 01/635/2015/0001513 cùng ngày 13/02/2015, thì N1 phải giải chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa 814, tờ bản đồ số 8, diện tích 408m² tọa lạc tại Tổ 1, phường K6, thành phố K7, tỉnh Đắk Nông và tài sản trên đất cho Công ty cổ phần N2.

Kể từ ngày được giải chấp tài sản bảo đảm, Công ty cổ phần N2 có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, thay đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp Công ty cổ phần nông lập nghiệp Trường Thành không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi thi hành án).

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K7, tỉnh Đắk Nông không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

Ngày 08/02/2021, ông Bùi Trung T2 là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Trường T1 có đơn đề nghị kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 123/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 23/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K7, tỉnh Đắk Nông. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố K7, tỉnh Đắk Nông giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại

Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm, Công an Phường K4, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Võ Trường T1 bỏ địa phương đi từ năm 2015 cho đến nay không còn cư ngụ tại 286A K3, Phường K4, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang có lệnh bắt giữ của C44 Bộ Công an (BL 266). Công an phường K6 ngày 06/01/2018 xác định ông Võ Trường T1 đăng ký tạm trú tại Tổ 1, phường K6, thành phố K7 từ ngày 12/01/2015, hiện nay không sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ, không khai báo (BL 267). Công văn số 364/CV ngày 09/4/2019 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương thể hiện ông Võ Trường T1 là đối tượng bị truy nã theo Quyết định truy nã số 09 ngày 29/6/2018 (BL 277).

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh nơi đăng ký thường trú, nơi đăng ký tạm trú của bị đơn theo quy định pháp luật, xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Võ Trường T1 tại Tổ 1, phường K6, thành phố K7 và cũng là nơi làm việc cuối cùng của ông T1 (Văn phòng Công ty cổ phần N2 tại phường K6, thành phố K7 do ông Võ Trường T1 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị) để thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của N1 là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phù hợp với Luật cư trú quy định nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Vì vậy, Kháng nghị cho rằng cần phải xác minh địa chỉ của bị đơn là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền theo lãnh thổ giải quyết là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Võ Trường T1 nguyên là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N2. Ngày 15/12/2014, dưới sự chủ trì của ông Võ Trường T1, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N2 thống nhất biểu quyết 100% thông qua việc mua văn phòng công ty tại địa chỉ Tòa nhà ô tô Tân Phát, đường 23/3 phường K6, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông với giá 16.000.000.000 đồng, chi từ vốn góp của các cổ đông 6.000.000.000 đồng, còn lại giao cho ông Võ Trường T1 đại diện Công ty đàm phán với Ngân hàng để vay thêm 10.000.000.000 đồng (do vốn điều lệ của Công ty cổ phần N2 không đủ); tạm thời GCNQSDĐ đứng tên ông Võ Trường T1, hàng tháng Công ty chuyển khoản trả dần lãi vay và gốc tối đa 200 triệu đồng, sau khi chuyển đủ 10 tỷ đồng thì ông T1 có trách nhiệm sang tên GCNQSDĐ lại cho Công ty (**Biên bản số 02-14/BBH-HĐQT ngày 15/12/2014**, BL 206-208).

[2.2] Thực tế, ông Võ Trường T1 là người đứng tên nhận chuyển nhượng và được cập nhật chủ quyền ngày 06/02/2015 đối với thửa 814, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Tổ 1, phường K6, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Ngày

11/02/2015, vợ ông Võ Trường T1 là bà Diệp Thị Thu có văn bản thỏa thuận đây là tài sản riêng của ông T1; cùng ngày, ông T1 thế chấp tài sản này để vay số tiền 10.000.000.000 đồng từ N1 theo 02 Hợp đồng tín dụng số 01/635/2015/0001515 và số 01/635/2015/0001513 cùng ngày 13/02/2015.

[2.3] Công ty cổ phần N2 chứng minh bằng các ủy nhiệm chi chuyển khoản cho ông Võ Trường T1 tổng cộng 3.772.496.108 đồng để thanh toán tiền mua văn phòng, tiền lãi vay, thanh toán một phần nợ gốc cho N1 theo đúng nội dung Biên bản số 02-14/BBH-HĐQT ngày 15/12/2014 và đã được N1 hạch toán khấu trừ nợ. Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 của Công ty cổ phần N2 đều thể hiện các khoản chi này. Kết luận giám định số 01/GĐTL-PC09 ngày 14/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông khẳng định chữ ký trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Biên bản số 02-14/BBH-HĐQT là của ông Võ Trường T1.

[2.4] Những tài liệu, chứng cứ đã viện dẫn, phân tích trên đây khẳng định ông Võ Trường T1 với tư cách là Chủ tịch Công ty cổ phần N2 cùng tất cả thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N2 thống nhất để ông T1 thay mặt Công ty cổ phần N2 đứng tên thửa đất số 814, đứng tên hợp đồng tín dụng, đứng tên hợp đồng thế chấp. Bản chất thì thửa đất số 814 là tài sản của Công ty cổ phần N2 và các giao dịch về hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là do Công ty cổ phần N2 thông qua ông Võ Trường T1 thực hiện thay.

[2.5] Do ông Võ Trường T1 bị truy nã, không phối hợp với Công ty cổ phần N2 để thanh toán nợ cho N1 theo thỏa thuận nên N1 khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần N2 trả cho N1 số tiền 8.380.000.000 đồng nợ gốc, 3.978.226.560 đồng tiền lãi, tổng cộng 12.358.226.560 đồng và tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần N2 về việc công nhận thửa đất số 814 cùng tài sản trên đất cho Công ty cổ phần N2 là có cơ sở khách quan, đúng pháp luật và đúng bản chất giao dịch. Kháng nghị cho rằng chưa đủ căn cứ xác định ông T1 đứng ra vay dùm, chưa đủ cơ sở xác định nguồn tiền thanh toán cho N1 cũng như giải chấp tài sản cho Công ty cổ phần N2 không đúng quy định pháp luật là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận Kháng nghị số 123/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 23/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Kháng nghị số 123/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 23/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K7, tỉnh Đắk Nông có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- Vụ pháp chế và QLKH TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- TAND Tp K7, Đắk Nông;
- Chi cục THADS Tp K7, Đắk Nông;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Trần Văn Châu